

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 07-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Bé N, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Châu Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Minh Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã làm mất hạnh phúc gia đình. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Trân (nữ) sinh ngày 11/9/2003 và Phạm Thế Anh (nam) sinh ngày 20/8/2013 hiện do bà nuôi dạy. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Phạm Thế Anh. Đối với cháu Trân hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Minh Q không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Châu Bé N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản ngày 18/5/2022 ghi nhận ý kiến của cháu Phạm Thế Anh thể hiện: Cháu Nguyễn Thế Anh có nguyện vọng sống chung với bà Châu Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Châu Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Minh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Q.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Châu Bé N và ông Phạm Minh Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Q do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông Q, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Trân (nữ) sinh ngày 11/9/2003 và Phạm Thế Anh (nam) sinh ngày 20/8/2013. Đối với cháu Phạm Ngọc Trân hiện đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Phạm Thế Anh hiện do bà N nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Thế Anh cho bà N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà N. Do đó Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Bé N xin ly hôn với ông Phạm Minh Q.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thế Anh (nam) sinh ngày 20/8/2013 cho bà Châu Bé N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Châu Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010387 ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà N, ông Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý